

Số: 1959/CTr-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2026

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG****thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng,  
Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển  
văn hóa Việt Nam và các Nghị quyết của Chính phủ ban hành  
Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết trên**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam; Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số”; Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 24/02/2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam (sau đây viết tắt là Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết số 80-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 41/NQ-CP và Nghị quyết số 30/NQ-CP), Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (sau đây viết tắt là Bộ VHTTDL) ban hành Chương trình hành động thực hiện với các nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU****1. Mục đích**

- Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết số 80-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 41/NQ-CP và Nghị quyết số 30/NQ-CP, bám sát mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, định hướng phát triển, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của các Nghị quyết thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ VHTTDL, bảo đảm phù hợp với tình hình đất nước và đáp ứng yêu cầu phát triển Ngành trong thời gian tới.

- Chương trình hành động đề ra các nhiệm vụ, đề án trọng tâm giai đoạn 2026-2030, phân công trách nhiệm cụ thể, rõ nguồn lực, tiến độ và các điều kiện để thực hiện, làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu Nghị quyết Đại hội XIV đề ra.

**2. Yêu cầu**

- Việc triển khai Chương trình hành động phải chủ động, nghiêm túc, khoa học, quyết liệt, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức và hành động, nói đi đôi với làm. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá tiến độ, kết quả thực hiện.

- Trong quá trình triển khai Chương trình hành động, các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ phải nghiêm túc quán triệt sâu sắc phương châm: “*Bộ hướng dẫn - Sở đồng hành - Địa phương vào cuộc - Vì một sứ mệnh chung*” và phương châm 6 rõ: “*Rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ phân cấp và rõ kết quả*”, kiên quyết chấn chỉnh tình trạng né tránh, đùn đẩy, làm hình thức.

## **II. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**

**1.** Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa quốc gia, bảo đảm 100% chính quyền địa phương 2 cấp, lực lượng vũ trang có thiết chế văn hóa đáp ứng được nhu cầu sáng tạo, thụ hưởng văn hóa của người dân ở cơ sở và cán bộ, chiến sĩ, 90% thiết chế văn hóa cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

**2.** Phấn đấu hoàn thành việc số hóa 100% các di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026.

**3.** Phấn đấu tăng trưởng bình quân ngành công nghiệp văn hóa đạt 10% giai đoạn 2026-2030.

**4.** 100% học sinh, học viên, sinh viên trong hệ thống giáo dục quốc dân được tiếp cận, tham gia hiệu quả, thường xuyên các hoạt động nghệ thuật, giáo dục di sản văn hóa.

**5.** Bảo đảm nguồn lực tương xứng cho phát triển văn hóa; bố trí tối thiểu 2% tổng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho văn hóa và tăng dần theo yêu cầu thực tiễn.

**6.** Ban hành cơ chế tài chính để ưu tiên thực hiện trong 3 đột phá: (i) Đào tạo và đãi ngộ nhân tài trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật; (ii) ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; (iii) đặt hàng sáng tạo các công trình văn hóa, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng, nội dung và nghệ thuật, xứng tầm với nền văn hóa Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

**7.** Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp 7% GDP của đất nước; hình thành từ 5 - 10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa trong các lĩnh vực có tiềm năng, như: Điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, thiết kế và thời trang...

**8.** Xây dựng thành công 5 thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hóa quốc tế về điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật. Thành lập thêm từ 1 - 3 trung tâm văn hóa Việt Nam tại nước ngoài, ưu tiên các địa bàn đối tác chiến lược toàn diện. Phấn đấu thêm 5 di sản văn hóa được UNESCO công nhận, ghi danh.

**9.** Phấn đấu đón được từ 45 - 50 triệu lượt khách quốc tế và 160 triệu lượt khách nội địa; duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân về khách quốc tế từ 8 - 10%/năm và khách nội địa từ 5 - 6%/năm. Tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, trong đó có khoảng 3 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 8 - 9%/năm. Tổng thu từ khách du lịch đạt 3.100 - 3.200 nghìn tỷ đồng (tương đương 130 - 135 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 11 - 12%/năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 15 - 17%.

**10.** Thể thao thành tích cao duy trì trong top 3 tại các kỳ SEA Games và trong top 20 tại các kỳ ASIAD; trong đó phấn đấu đạt từ 05 đến 07 huy chương vàng tại các kỳ ASIAD, có huy chương tại các kỳ Olympic và Paralympic, bóng đá nam trong top 10 châu Á và bóng đá nữ trong top 8 châu Á.

**11. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, thông tin và truyền thông:**

- 97% cơ quan báo; 70% tạp chí đưa nội dung lên các nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước).
- 65% cơ quan báo chí sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.
- 70% cơ quan báo hoạt động, vận hành mô hình tòa soạn hội tụ.
- 100% các đài phát thanh, đài truyền hình Quốc gia đưa nội dung lên nền tảng số (ưu tiên các nền tảng số trong nước).
- 100% kênh chương trình phát thanh, kênh chương trình truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin tuyên truyền thiết yếu của Quốc gia phát sóng 24 giờ/ngày.
- Tổng số sách xuất bản hằng năm đạt khoảng 600 triệu bản, tỷ lệ bản sách/người đạt 6-6,5 bản sách/người; doanh thu toàn ngành đạt khoảng 5.000 tỷ đồng. Xuất bản phẩm xuất khẩu đạt 1,5 triệu bản. Kim ngạch xuất khẩu xuất bản phẩm đạt khoảng 5,5 triệu USD.
- 100% xã, phường, đặc khu có hệ thống truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin viễn thông hoạt động đến thôn, bản, tổ dân phố.
- 100% cơ quan báo chí đối ngoại quốc gia phát hành, phát sóng sản phẩm báo chí ra nước ngoài bằng nhiều phương thức khác nhau phục vụ bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

### **III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**

**1. Đổi mới mạnh mẽ tư duy, thống nhất cao về nhận thức và hành động nhằm phát triển văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin**

- Tổ chức quán triệt, nhận thức đầy đủ, sâu sắc và toàn diện về văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin trong phát triển đất nước. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, lãnh đạo quản lý các cấp trong thực hiện nhiệm vụ văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin.
- Thực hiện đánh giá tác động, ban hành và thực thi chính sách phát triển văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin tại các chiến lược, quy hoạch, đề án, dự án phát triển của Bộ VH-TT-DL bảo đảm đồng bộ, tương hỗ với các chính sách, giải pháp đột phá về kinh tế, giáo dục, khoa học, công nghệ, chuyển đổi số.
- Thông tin, tuyên truyền Nghị quyết Đại hội XIV, các chương trình hành động triển khai Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng về vai trò, vị trí của văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin đối với sự phát triển nhanh và bền vững đất nước, mục tiêu, các chính sách, giải pháp đột phá của Nhà nước về phát triển văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin tạo đồng thuận xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân.
- Tìm kiếm, phát hiện và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt, coi trọng giáo dục các hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam.
- Triển khai các giải pháp xây dựng môi trường thông tin trong sạch, định

hướng thị hiếu lành mạnh, tiên bộ, quảng bá bản sắc văn hóa dân tộc ra thế giới, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

## **2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực phát triển văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin**

- Xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật về văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin để thể chế hóa Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết số 80-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW.

- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn để đề xuất hoàn thiện khung khổ pháp lý, nhất là đối với những vấn đề thuộc lĩnh vực văn hóa đang được điều chỉnh bởi văn bản dưới luật (mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm), những vấn đề bắt cập với thực tiễn, những khoảng trống mới do thực tiễn đặt ra và những vấn đề chưa được thể chế hóa (văn hóa dân tộc, văn hóa quần chúng, tuyên truyền cổ động, quản lý văn hóa trên môi trường số...).

- Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật liên quan về chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách hỗ trợ về thuế, đất đai, đầu thầu, dữ liệu, cơ chế tài chính, cơ chế khuyến khích sáng tạo trong các luật chuyên ngành để tạo điều kiện huy động tối đa nguồn lực cho phát triển văn hóa.

- Triển khai việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 và phân đầu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thực hiện phân cấp thủ tục hành chính, bảo đảm cấp Bộ chỉ thực hiện không quá 30% tổng số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý.

## **3. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, văn minh**

- Ban hành Kế hoạch triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị gia đình, chuẩn mực con người Việt Nam.

- Xây dựng Đề án thúc đẩy các phong trào, hoạt động văn hóa cơ sở, lấy người dân làm trung tâm.

- Xây dựng và triển khai Chương trình phối hợp hành động giữa Bộ VH-TT-DL với các ban, bộ, ngành, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội liên quan để phát huy sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong hình thành và hoàn thiện nhân cách con người Việt Nam.

- Lồng ghép việc xây dựng môi trường văn hóa trong không gian phát triển của từng vùng, từng địa phương, phát huy không gian văn hóa đô thị, nông thôn, văn hóa biển và miền núi trong các Chiến lược, quy hoạch chuyên ngành văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin.

- Ban hành Bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

- Xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hoá, nghệ thuật trong hệ thống dữ liệu của Bộ VH-TT-DL.

- Triển khai nội dung “Xây dựng cộng đồng văn hóa cơ sở giàu bản sắc, sáng - xanh - sạch - đẹp” vào Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

- Xây dựng và triển khai Đề án “Bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với du lịch và phát triển kinh tế trong kỷ nguyên mới”.

- Rà soát, ban hành “Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước cơ bản và thiết yếu trong lĩnh vực văn hóa”.

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch tổ chức “Ngày Văn hóa Việt Nam” giai đoạn 2026-2030”.

- Trong quá trình xây dựng chính sách bảo đảm đầy đủ quyền hưởng thụ và sáng tạo văn hóa, tiếp cận bình đẳng văn hóa của Nhân dân.

- Xây dựng, triển khai Chương trình “Xây dựng thể trận văn hoá gắn với quốc phòng, an ninh, củng cố phòng tuyến văn hoá tư tưởng”.

- Tiếp tục triển khai, phát huy các phong trào, hoạt động thiết thực xây dựng đội ngũ doanh nhân gắn với chuẩn mực đạo đức và văn hóa kinh doanh mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa kinh doanh quốc tế.

- Xây dựng môi trường văn hóa nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại, nêu cao tinh thần thượng tôn pháp luật từ gia đình, đến nhà trường, tới mọi lĩnh vực của xã hội trên cơ sở đạo đức, luật pháp, chuẩn mực và giá trị truyền thống; nâng cao trách nhiệm công dân trên không gian mạng, làm trong sạch môi trường văn hóa số.

- Rà soát tiếp tục hoàn thiện quy hoạch và đầu tư phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao đồng bộ, hiện đại.

- Xây dựng Chương trình văn hóa đọc trong cộng đồng, triển khai xây dựng tủ sách cộng đồng số và các mô hình thư viện mở, không gian đọc linh hoạt tại khu vực đô thị và nông thôn, nhằm xây dựng thói quen kỹ năng đọc sách, bảo đảm quyền tiếp cận tri thức của người dân.

- Kiên trì và có giải pháp quyết liệt chấn chỉnh, hạn chế, đẩy lùi những biểu hiện tiêu cực, suy thoái về văn hoá, đạo đức, lối sống, các biểu hiện thực dụng, “lợi ích nhóm” trong hoạt động văn hoá; đấu tranh với diễn biến hoà bình trên lĩnh vực văn hoá tư tưởng; chống sự xâm nhập của văn hoá phẩm độc hại, những hành vi phi văn hoá, lai căng, phản cảm; kiên quyết xử lý thông tin xấu, độc, phản văn hoá, tin giả trên mạng xã hội và phương tiện thông tin khác.

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát huy vai trò nền tảng của văn hóa trong việc hình thành bản lĩnh, “sức đề kháng” trước các tác động phức tạp và lệch chuẩn của văn hóa ngoại lai; giữ gìn thuần phong mỹ tục, vun đắp niềm tự hào và khát vọng cống hiến vì sự phát triển của đất nước.

- Triển khai các chương trình, hoạt động, dịch vụ sự nghiệp văn hóa công và trợ giúp pháp lý bảo đảm bình đẳng trong thụ hưởng các giá trị văn hóa đối với các nhóm yếu thế như người khuyết tật, người nghèo, trẻ em, đồng bào dân tộc thiểu số.

- Xây dựng và vận hành hạ tầng văn hóa số, nền tảng văn hóa số toàn dân do nhà nước đóng vai trò chủ đạo (trọng tâm là dịch vụ: Thư viện số, bảo tàng số, nghệ thuật biểu diễn trực tuyến, lớp học nghệ thuật trực tuyến...).

#### **4. Đổi mới phương thức quản lý; đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tạo động lực bứt phá cho phát triển văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin**

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng các quy trình, quy định quản lý, quản trị văn hóa hiện đại gắn với sự hiệu quả, tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, chuyển đổi số, chuyển từ tiền kiểm, sang hậu kiểm đồng bộ với hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về văn hóa; hợp tác quốc tế, nâng cao năng lực về sở hữu trí tuệ trong môi trường số.

- Xây dựng mô hình quản trị văn hóa điện tử (e-Culture Governance), gắn với cơ chế phản ứng nhanh (Fast-track) trong việc tiếp nhận, xử lý vi phạm trên môi trường số, kết nối từ trung ương đến địa phương, tích hợp các hệ thống dữ liệu, giám sát, cấp phép, đánh giá hoạt động văn hóa trực tuyến, đánh giá hiệu quả chính sách và đầu tư văn hóa trên phạm vi quốc gia.

- Xây dựng Đề án về phát triển các ngành công nghiệp nội dung số Việt Nam giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

- Xây dựng, vận hành và khai thác hiệu quả hạ tầng dữ liệu văn hóa quốc gia, nền tảng số dùng chung bảo đảm kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chuẩn đối với sản phẩm văn hóa số, môi trường văn hóa số.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn dùng chung, bản đồ số văn hóa, phát triển nền tảng phân phối nội dung số, công cụ bảo vệ bản quyền, ứng dụng phân tích dữ liệu, công nghệ số trong một số lĩnh vực của văn hóa, nhất là công nghiệp văn hóa.

- Phát triển nền tảng phân phối nội dung số Việt Nam; tăng tỷ lệ phân phối nội dung Việt Nam trên nền tảng trong nước; định hình hệ thống hạ tầng văn hóa số Việt Nam, thúc đẩy hệ sinh thái công nghiệp văn hóa, sáng tạo, giải trí và du lịch Việt Nam phát triển bền vững.

- Chuẩn hóa và số hóa toàn diện di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao, chữ viết, ngôn ngữ của các dân tộc thiểu số.

- Số hóa các di sản văn hóa, các di sản văn hóa đã được xếp hạng cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt.

- Quản trị dữ liệu bảo đảm an ninh và chủ quyền văn hóa số, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thương hiệu sáng tạo, an ninh văn hóa trên môi trường mạng.

- Triển khai rà quét phát hiện thông tin xấu độc bảo vệ văn hóa trên môi trường mạng.

- Phát triển hạ tầng số, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ thực tế ảo (AI, Big Data, Blockchain...) trong sản xuất, phân phối, tiêu dùng văn hóa và quản lý văn hóa; phân tích, dự báo, đánh giá hiệu quả chính sách và đầu tư cho lĩnh vực văn hóa.

- Xây dựng hạ tầng số, tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn,

công nghệ thông tin (AI, Big Data, Blockchain...), đào tạo và tăng nguồn nhân lực trong các hoạt động quản lý, thực thi, đăng ký, kiểm tra và xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan.

- Thực hiện cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong đổi mới tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa (sáng tạo, phân phối, biểu diễn,...).

- Phát triển các loại hình truyền thông, thông tin trên nền tảng số; phát động và duy trì chiến dịch truyền thông quốc gia về xây dựng môi trường văn hóa số an toàn, nhân văn; triển khai xây dựng và phát triển nền tảng truyền thông tri thức xã hội số quốc gia trên thiết bị di động, gắn với chuỗi chương trình nội dung trọng điểm có định hướng tạo thành dòng chủ lưu định hình chuẩn mực hành vi, ứng xử văn hóa, góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, an toàn trên không gian số.

- Rà soát chức năng, nhiệm vụ, tổ chức lại hệ thống các đơn vị sự nghiệp công lập văn hóa theo hướng tinh gọn, tự chủ, gắn với chuẩn đầu ra dịch vụ công văn hóa.

### **5. Xây dựng hệ sinh thái văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin, thúc đẩy sáng tạo, trong đó doanh nghiệp là động lực, người dân vừa là chủ thể vừa là trung tâm, nhận diện và ứng xử thích hợp với tài nguyên văn hóa**

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa mang bản sắc Việt Nam, gắn kết hoạt động nghiên cứu, sáng tác, sản xuất và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ văn hóa với khởi nghiệp sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới; tổ chức các chương trình, cuộc thi và liên hoan sáng tạo văn hóa - công nghệ cấp quốc gia. Hình thành tầng lớp công chúng văn hóa hiện đại, gắn với môi trường số và đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng và phát triển mô hình “Một di sản - Một câu chuyện - Một sản phẩm số - Sức sống từ truyền thống đến hiện đại”. Xây dựng thiết chế “văn hóa số”, “bảo tàng mở”, “nhà hát di động”, “thư viện số” thân thiện với mọi lứa tuổi, duy trì sự hiện diện thường xuyên của các giá trị văn hóa trong cộng đồng, bảo đảm di sản được lưu giữ và phát triển trong đời sống đương đại gắn kết với du lịch, cộng hưởng với thông tin.

Có giải phát thiết thực tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng, đề các chuyên gia, trí thức, văn nghệ sĩ tài năng và học sinh, sinh viên có năng khiếu vượt trội trong lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật được bồi dưỡng, rèn luyện, sáng tạo, cống hiến, phát triển. Tổ chức công nhận, xếp hạng và khen thưởng các nghệ sĩ, nhà nghiên cứu, giảng viên nghệ thuật, các cá nhân tài năng có đóng góp xuất sắc vì sự nghiệp phát triển văn hóa.

### **6. Thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa, định vị sản phẩm văn hóa thương hiệu quốc gia, gắn với phát triển du lịch văn hóa**

- Triển khai Chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 2486/QĐ-TTg ngày 14/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ, trọng tâm, một số lĩnh vực: điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, du lịch văn hóa, thiết kế, thời trang, thủ công truyền thống, trò

chơi điện tử, ẩm thực và phần mềm/nội dung số.

- Xây dựng và triển khai Đề án “Phát triển thương hiệu quốc gia về du lịch trên nền tảng văn hóa trong kỷ nguyên mới”; tái cấu trúc sản phẩm, dịch vụ du lịch dựa trên bản sắc văn hóa của vùng, miền, địa phương gắn với thị hiếu của du khách, đồng bộ với quảng bá, xúc tiến chuyên biệt tại các thị trường trọng điểm của du lịch Việt Nam.

- Xây dựng Đề án phát triển du lịch với các giải pháp đột phá để đạt mục tiêu thu hút 45-50 triệu khách quốc tế vào năm 2030.

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển 05-10 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa trong các lĩnh vực có tiềm năng như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, du lịch văn hóa, thiết kế, thời trang, trong đó có ít nhất 01 thương hiệu nhà nước mang tính dẫn dắt, 01 thương hiệu về văn hóa số.

- Xây dựng Đề án thiết lập và vận hành hiệu quả hệ thống thông tin hai chiều giữa Nhà nước và người dân, thông qua các nền tảng số, các công cụ lấy ý kiến Nhân dân.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

- Quy hoạch quỹ đất cho khu, trung tâm công nghiệp văn hóa; đầu tư nâng cấp thiết chế văn hóa, phim trường, trung tâm nghệ thuật, không gian sáng tạo.

- Xây dựng chính sách, giải pháp để hình thành các cụm, khu và tổ hợp văn hóa - sáng tạo; phát triển tập đoàn văn hóa - sáng tạo tầm cỡ quốc gia và quốc tế tại trung tâm vùng, tích hợp đào tạo - R&D - sản xuất - trình diễn - phân phối; thu hút doanh nghiệp chủ lực và khởi nghiệp công nghệ sáng tạo tham gia.

- Triển khai nghiên cứu, xây dựng và thí điểm các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong toàn bộ chuỗi giá trị của các ngành công nghiệp văn hóa từ sáng tạo, sản xuất, phân phối đến tiêu thụ và bảo vệ bản quyền.

- Nghiên cứu thị trường, dự báo nhu cầu để định hướng sản phẩm văn hóa. Hỗ trợ doanh nghiệp sáng tạo, bố trí ngân sách hỗ trợ trong ứng dụng công nghệ số, thiết kế, phát triển mẫu, sản phẩm mang tính dẫn dắt, lan tỏa cho cộng đồng sản xuất và phân phối thử sản phẩm văn hóa số và các mô hình kinh tế sáng tạo ứng dụng công nghệ hiện đại, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; chuyển đổi xanh trong phát triển công nghiệp văn hóa.

- Phát triển thương mại điện tử, nền tảng phân phối nội dung và thị trường bản quyền. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, hội chợ, festival; mở rộng xuất khẩu. Khuyến khích sản phẩm văn hóa số, nội dung sáng tạo mới, e-sports, lễ hội, phát triển kinh tế đêm.

- Xây dựng và vận hành sàn giao dịch bản quyền số, các quyền liên quan, sản phẩm văn hóa, nghệ thuật, các sản phẩm công nghiệp văn hóa đặc biệt dưới dạng tài sản số.

- Tiếp tục đổi mới và lan tỏa bộ nhận diện hình ảnh, định vị Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam thông qua việc tích hợp sâu rộng các giá trị di sản, tinh hoa văn hóa và bản sắc dân tộc; xây dựng và phát triển thương hiệu địa phương mạnh; phát triển các thương hiệu văn hóa chất lượng cao, có sức cạnh tranh như điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, ẩm thực, thời trang... Xây dựng Bộ

thương hiệu quốc gia tổng thể nhằm tăng cường tính thống nhất thông điệp và bộ nhận diện quảng bá Việt Nam ra nước ngoài; thiết lập cơ chế điều phối liên ngành về Danh hiệu quốc gia.

- Xây dựng thông điệp truyền thông quốc gia, bộ công cụ truyền thông dùng chung cho các bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành triển khai các nhiệm vụ về phát triển thị trường, mở rộng xuất khẩu sản phẩm văn hóa.

- Xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ văn hóa, báo chí, sách, ấn bản phẩm, quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới.

- Tổ chức thường niên Giải thưởng sách quốc gia thành chuỗi sự kiện phát triển văn hóa đọc và thị trường xuất bản Việt Nam.

### **7. Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát triển hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin đáp ứng yêu cầu của kỷ nguyên mới**

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

- Xây dựng Chiến lược quốc gia phát triển nhân lực văn hóa, nghệ thuật và sáng tạo đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng Đề án “Định giá kinh tế di sản – TEV, lượng hóa giá trị kinh tế tổng thể di sản”.

- Xây dựng Đề án khai thác, phát huy tài sản văn hóa số

- Xây dựng Đề án hình thành cơ sở đào tạo theo mô hình gắn kết chặt chẽ giáo dục, sáng tạo, biểu diễn trong lĩnh vực nghệ thuật tầm cỡ khu vực.

- Xây dựng và triển khai Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhân lực văn hóa nghệ thuật ở nước ngoài đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045".

- Xây dựng Đề án phát triển Kinh tế thể thao giai đoạn đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

- Xây dựng chương trình đào tạo 5.000 nhân lực phát triển game Việt Nam phục vụ giáo dục lịch sử, văn hóa Việt Nam.

- Xây dựng các dự án đầu tư, hoàn thiện hạ tầng văn hóa, ưu tiên các thiết chế văn hoá quy mô quốc gia như: bảo tàng quốc gia, nhà hát quốc gia, trung tâm nghệ thuật quốc gia...

- Xây dựng và ban hành Bản đồ định hướng đầu tư hạ tầng văn hóa quốc gia, ưu tiên bố trí vốn đầu tư công cho các khu vực có chỉ số hưởng thụ văn hóa thấp và các vùng 'trắng' về thiết chế văn hóa cơ sở.

- Xây dựng và phát triển các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo văn hóa theo mô hình tiên tiến, hiện đại.

- Triển khai các giải pháp đổi mới căn bản hệ thống đào tạo văn hóa, nghệ thuật và công nghiệp sáng tạo: đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác đào tạo nguồn nhân lực; triển khai chương trình đào tạo tích hợp phổ thông - nghệ thuật - công nghệ, đặc biệt tại các trường năng khiếu nghệ thuật, các cơ sở đào tạo nghệ

thuật công lập. Phát triển chương trình đào tạo đặc thù về văn hóa, nghệ thuật, công nghiệp sáng tạo và quản trị dữ liệu văn hóa. Xây dựng chuẩn đầu ra gắn với năng lực nghề nghiệp, kỹ năng số, kỹ năng sáng tạo và năng lực hợp tác quốc tế. Thực hiện các chương trình trao đổi giảng viên - nghệ sĩ - chuyên gia quốc tế, mở rộng liên kết đào tạo với các học viện nghệ thuật hàng đầu khu vực và thế giới.

- Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ phục vụ chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, quản trị dữ liệu, đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý văn hóa, nghệ sĩ, nhà sáng tạo và doanh nghiệp văn hóa; khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức nghiên cứu, cơ sở đào tạo trong phát triển các giải pháp công nghệ cho lĩnh vực văn hóa.

- Triển khai Chương trình Tài năng Việt Nam trong lĩnh vực văn hóa – nghệ thuật giai đoạn 2026-2035.

- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về xây dựng và phát triển văn hóa; chủ động dự báo xu hướng thế giới; cung cấp luận cứ khoa học phục vụ công tác tham mưu, tư vấn xây dựng chiến lược, bổ sung, hoàn thiện và phát triển đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hoá Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

- Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học trọng điểm về văn hoá - văn minh Việt Nam.

- Xây dựng, triển khai các giải pháp đột phá, đồng bộ để thu hút khách du lịch quốc tế thông qua công tác xúc tiến du lịch, thí điểm miễn thị thực dài hạn, cấp thị thực nhập cảnh nhiều lần và các chính sách khác.

- rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng, xử lý dứt điểm những vấn đề thuộc thẩm quyền và báo cáo, đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền.

## **8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về văn hóa, du lịch, thể thao, thông tin góp phần tăng sức mạnh mềm quốc gia**

- Xây dựng, ban hành Chiến lược văn hóa đối ngoại đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

- Xây dựng Kế hoạch đẩy mạnh nâng cao hội nhập quốc tế về văn hóa Việt Nam.

- Xây dựng và triển khai Chiến lược truyền thông quảng bá hình ảnh Việt Nam ra nước ngoài.

- Xây dựng và triển khai Đề án phát triển các sản phẩm, hàng hóa Việt Nam mang giá trị văn hóa đặc sắc gắn với Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

- Xây dựng Chương trình khung các hoạt động văn hóa nghệ thuật trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc của Lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước Việt Nam ở nước ngoài và Lãnh đạo cấp cao nước ngoài đến Việt Nam.

- Xây dựng và triển khai Chương trình quốc gia phối hợp giữa truyền thông, ngoại giao văn hóa và xuất khẩu sản phẩm - dịch vụ công nghiệp văn hóa, xây dựng thương hiệu quốc gia cho sản phẩm và dịch vụ văn hóa - sáng tạo mang bản

sắc Việt Nam (điện ảnh, âm nhạc, mỹ thuật, du lịch văn hóa, thiết kế, thời trang, thủ công truyền thống, trò chơi điện tử, ẩm thực và phần mềm/nội dung số).

- Tăng cường sự hiện diện hình ảnh Việt Nam trên các cơ quan báo chí và kênh truyền thông quốc tế uy tín.

- Xây dựng Đề án thành lập trung tâm văn hóa Việt Nam tại các quốc gia là đối tác chiến lược toàn diện.

- Xây dựng Kế hoạch đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động các Trung tâm văn hóa Việt Nam tại Pháp và Lào giai đoạn 2026-2030.

- Xây dựng và triển khai Đề án “Phát triển chuỗi nhà hàng ẩm thực Việt Nam tại nước ngoài”; xây dựng và áp dụng bộ tiêu chuẩn chứng nhận “Ẩm thực Việt Nam - Vietnamese Cuisine Certified” nhằm quảng bá thương hiệu ẩm thực quốc gia.

- Xây dựng và triển khai Đề án xây dựng thương hiệu liên hoan nghệ thuật, lễ hội văn hóa quốc tế tại Việt Nam.

- Xây dựng và lan tỏa cuộc vận động “Tự hào là người Việt Nam”.

- Tăng cường đàm phán, ký kết các điều ước, thỏa thuận quốc tế về văn hóa; nâng cao hiệu quả thực thi các cam kết quốc tế. Đưa văn hóa vào các Hiệp định, Thỏa thuận hợp tác kinh tế, thương mại song phương và đa phương.

- Đẩy mạnh hợp tác với UNESCO và các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản thế giới thông qua hoạt động hỗ trợ chuyên gia, đào tạo, nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu, nhận diện giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên tiêu biểu của Việt Nam để lập hồ sơ trình UNESCO ghi vào Danh mục Di sản Thế giới; giới thiệu di sản văn hóa Việt Nam, nhất là các di sản văn hóa được UNESCO ghi danh ra thế giới.

- Triển khai tham tán, tùy viên văn hóa; cán bộ phụ trách hợp tác văn hóa tại cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; phát triển đội ngũ cán bộ văn hóa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực.

- Hỗ trợ nhân rộng mô hình khu phố Việt Nam, làng Việt Nam, các mô hình câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa, võ thuật, học tiếng Việt... tại các quốc gia có đông cộng đồng người Việt Nam sinh sống và làm việc.

- Đăng cai các sự kiện văn hóa, nghệ thuật quốc tế, tham gia sâu tại các diễn đàn lớn. Không gian quảng bá Việt Nam tại các hội nghị, sự kiện quốc tế lớn như Diễn đàn Kinh tế Thế giới (hàng năm), Hội nghị các Bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu - COP, Triển lãm Thế giới EXPO.

- Tổ chức các cuộc thi nghệ thuật toàn cầu: Tạo điều kiện để các tài năng nghệ thuật Việt Nam tham gia vào các cuộc thi quốc tế, đồng thời tổ chức các cuộc thi nghệ thuật tầm cỡ khu vực và quốc tế tại Việt Nam, mở rộng sân chơi cho nghệ sĩ quốc tế và nghệ sĩ người Việt Nam ở nước ngoài.

- Chủ động tổ chức chiến dịch quảng bá văn hóa và hình ảnh Việt Nam hằng năm với chủ đề, địa bàn, đối tượng phù hợp; Triển khai thường niên chiến dịch truyền thông “Ấn tượng Việt Nam” tại các khu vực trọng điểm, trên đa nền tảng, đa ngôn ngữ; chương trình truyền thông dành cho báo chí; kết nối hợp tác

bởi người có ảnh hưởng quốc tế, nhà sáng tạo nội dung toàn cầu phát triển mạng lưới “đại sứ văn hóa” của Việt Nam.

- Triển khai chương trình, dự án hỗ trợ/tài trợ công tác dịch thuật và xuất bản sách văn học, văn hóa nghệ thuật Việt Nam ra nước ngoài bằng nhiều ngôn ngữ và tạo điều kiện thuận lợi để giới thiệu các xuất bản phẩm tiếng nước ngoài tại Việt Nam.

- Triển khai các giải pháp hiệu quả chống lại sự xâm nhập của các yếu tố ngoại lai phản cảm, phi văn hóa, nhất là trên các nền tảng trực tuyến xuyên biên giới.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

##### 1. Thành lập Ban Chỉ đạo của Bộ VH-TT-DL chỉ đạo, tổ chức triển khai Chương trình hành động

Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai Chương trình hành động do đồng chí Bộ trưởng làm Trưởng Ban; thành phần gồm lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan để chỉ đạo, giám sát thường xuyên, tổ chức thực hiện toàn diện, có hiệu quả các nội dung của Chương trình hành động. Triển khai các nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam giao thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW.

##### 2. Giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Trực tiếp chỉ đạo, tập trung nguồn lực, lập kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ được giao bảo đảm tiến độ, chất lượng và chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình này (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*), đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các Kế hoạch triển khai, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Chương trình này, hoàn thành việc phê duyệt các Kế hoạch công tác của đơn vị **trong tháng 4/2026**

- Đối với các nhiệm vụ xây dựng văn bản, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ VH-TT-DL: yêu cầu các đơn vị báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện **định kỳ 02 tuần/lần** về Văn phòng Bộ để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

- Đối với các nhiệm vụ chung, nhiệm vụ thường xuyên: Yêu cầu báo cáo kết quả thực hiện định kỳ hàng năm về Văn phòng Bộ **trước ngày 15 tháng 11** để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

##### 3. Giao Vụ Kế hoạch, Tài chính

- Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Chủ trì tổng hợp kinh phí, tham mưu Lãnh đạo Bộ phương án phân bổ kinh phí được giao, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại Chương trình này.

- Tham mưu về kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **4. Giao Cục Báo chí; Cục Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử; Cục Thông tin cơ sở và Thông tin đối ngoại, các cơ quan báo chí thuộc Bộ**

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các nội dung của Nghị quyết Đại hội XIV, Nghị quyết số 80-NQ/TW, Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 41/NQ-CP và Nghị quyết số 30/NQ-CP; đẩy mạnh quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam và bản sắc văn hóa các dân tộc trên các nền tảng truyền thông số và truyền thông quốc tế.

#### **5. Giao Văn phòng Bộ**

- Chịu trách nhiệm tham mưu Lãnh đạo Bộ kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nhiệm vụ được giao tại Chương trình này.

- Tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, trình Lãnh đạo Bộ xem xét, báo cáo Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển văn hóa Việt Nam, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

**6.** Chương trình này thay thế Chương trình số 1599/CT-BVHTTDL ngày 27/3/2026 của Bộ VHTTDL ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam và các Nghị quyết của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện các Nghị quyết trên.

Trong quá trình thực hiện Chương trình, nếu có khó khăn, vướng mắc cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ báo cáo Lãnh đạo Bộ (qua Văn phòng Bộ) để xem xét, giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG**

***Nơi nhận:***

- Thủ tướng Chính phủ (*để báo cáo*);
- Phó TTg Phạm Thị Thanh Trà (*để báo cáo*);
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch Nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Cục, Vụ, đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở: VHTTDL, VHNT, DL;
- Lưu: VT, VP (THTT), NVN.150.

**Lâm Thị Phương Thanh**